

CẦN XỬ LÝ BAO BÌ THUỐC BVTV ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRÊN ĐỒNG RUỘNG - NGUY CƠ GÂY MẤT AN TOÀN THỰC PHẨM Ở VIỆT NAM

Tuyết Nguyễn

Cục Bảo vệ thực vật

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ những năm 50 của thế kỷ trước cho đến nay, trong hệ thống các biện pháp bảo vệ thực vật (BVTV) việc sử dụng thuốc BVTV vẫn đóng một vai trò hết sức quan trọng, đôi khi còn là yếu tố quyết định. Tuy nhiên ngày càng xuất hiện tình trạng lạm dụng thuốc BVTV gây nhiều hệ lụy cho sản xuất, môi trường, môi sinh, sức khỏe cộng đồng do mất an toàn vệ sinh thực phẩm (ATTP), đe dọa sự phát triển bền vững của nông nghiệp.

Nói chung, thuốc BVTV có các ưu điểm là tác động nhanh, triệt để, dễ sử dụng nên có thể nhanh chóng hạn chế, dập dịch, đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần quan trọng hạn chế thiệt hại do sâu bệnh gây nên, nâng cao lợi nhuận cho nhà nông. Hiện nay, cần ưu ý đến một việc không nhỏ là nông dân thường xuyên vứt bỏ bao bì thuốc BVTV đã qua sử dụng trên đồng ruộng.

Vì vậy ngoài việc tăng cường quản lý sản xuất kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV, cũng cần phải lưu ý đến việc quản lý vấn đề bao bì thuốc đã qua sử dụng để tránh hiện tượng phơi nhiễm, gây độc cho thực phẩm, ảnh hưởng đến ATTP và sức khỏe cộng đồng.

Đặc thù trong kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV ở Việt Nam:

- Mức sử dụng thuốc BVTV ở Việt Nam tăng nhanh.
- Mạng lưới sản xuất kinh doanh (SXKD) thuốc BVTV tăng nhanh và rất khó kiểm soát
- Những tác động tiêu cực của thuốc BVTV: Để lại dư lượng thuốc BVTV trên nông sản, đặc biệt trên rau, quả, chè... gây ngộ độc cho người tiêu dùng

2. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG THUỐC BVTV, HIỆN TƯỢNG VỨT BỎ BAO BÌ THUỐC BVTV ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRÊN ĐỒNG RUỘNG GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ MẤT ATTP

2.1. Khẳng định vai trò quan trọng của thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp

Thuốc BVTV được bắt đầu được sử dụng ở Việt Nam từ những năm 50 của thế kỷ trước và đến nay vẫn luôn tỏ ra là phương tiện có tính

quyết định nhanh chóng trong dập tắt dịch hại trên diện rộng. Do vậy, có thể nói thuốc BVTV giữ vai trò không thể thiếu trong sản xuất nông nghiệp của Việt Nam trước đây, hiện nay và cả trong tương lai.

2.2. Những tồn tại, hạn chế, thiếu sót trong việc sử dụng thuốc BVTV

- Sử dụng thuốc quá nhiều, quá mức cần thiết.
- Sử dụng thuốc khi thiếu hiểu biết về kỹ thuật.
- Sử dụng thuốc quá liều lượng khuyến cáo, tùy tiện, hỗn hợp các loại thuốc trừ sâu bệnh lẫn lộn.
- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không tuân thủ thời gian cách ly
- Coi trọng lợi ích, lợi nhuận cá nhân hơn tác động xấu đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Như vậy có thể thấy, việc sử dụng thuốc BVTV ở Việt Nam trước kia và trong thời gian gần đây, bên cạnh những thành tựu và ưu điểm cũng còn nhiều tồn tại, thiếu sót, tác hại có nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó có nguyên nhân chủ quan từ phía xây dựng, ban hành, thực hiện các chính sách quản lý và kỹ thuật và chủ quan từ phía thực hiện của người sản xuất nông nghiệp trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

Trên thực tế, “Sử dụng thuốc BVTV hiệu quả và an toàn” chỉ mang tính kỹ thuật vì chưa đề cập nhiều đến vấn đề quản lý, đặc biệt là mục tiêu giảm sử dụng thuốc BVTV, còn “giảm nguy cơ của thuốc BVTV – mối nguy cho an toàn thực phẩm” là phải có hệ thống tổng thể của nhiều biện pháp quản lý, kinh tế, kỹ thuật, nó bao gồm các nội dung:

- Thắt chặt quản lý đăng ký, xuất nhập khẩu, sản xuất kinh doanh thuốc BVTV, quản lý xả thải bao bì thuốc BVTV đã qua sử dụng trên đồng ruộng
- Giảm lượng thuốc sử dụng,
- Thay đổi cơ cấu và loại thuốc,
- Sử dụng an toàn và hiệu quả,
- Giảm lệ thuộc vào thuốc BVTV thông qua việc áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng thiên địch, sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học.

2.3 Tác động bất lợi của việc sử dụng thuốc BVTV thiếu trách nhiệm đã gây ra những hệ lụy xấu, tiêu cực đến ATTP và môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng

- Thuốc gây độc hại cho người và gia súc, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng, làm ô nhiễm môi trường, diệt cả côn trùng và vi sinh vật có ích, từ đó tạo điều kiện cho dịch bệnh phát triển, bùng phát mạnh hơn. Dùng thuốc không đúng kỹ thuật, sẽ nhanh chóng tạo nên tính kháng thuốc của sâu bệnh; Thuốc BVTV nhiều khi còn để lại dư lượng độc hại trên nông sản làm ngộ độc người sử dụng giảm chất lượng và khả năng cạnh tranh của nông sản trên. Sử dụng thuốc BVTV càng nhiều, càng rộng, càng không đúng kỹ thuật thì những nhược điểm, hạn chế, tiêu cực của thuốc càng lớn, càng nguy hại, nhất là chưa quản lý được việc vứt bỏ bao bì thuốc BVTV đã qua sử dụng trên đồng ruộng, gây ô nhiễm và mất an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO Ý THỨC CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG THUỐC BVTV, GIẢI QUYẾT VIỆC GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, MẤT AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

3.1 Định hướng chiến lược nâng cao nhận thức cộng đồng của người kinh doanh và sử dụng thuốc BVTV

- Nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc BVTV cả về kỹ thuật, sản xuất kinh tế, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng.

- Đảm bảo an toàn trong sử dụng thuốc BVTV.

- Nâng cao nhận thức, hiểu biết và trách nhiệm trước xã hội của người kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV, Xây dựng lộ trình thu gom từ nay đến năm 2020 theo hướng:

+ Khuyến khích Nhà sản xuất thuốc/Công ty thuốc BVTV làm ra các sản phẩm có thể tái sử dụng bao bì, thuận tiện cho người sử dụng để thu gom, đổi trả.+ Khuyến khích người bán/người cung cấp (bán lẻ) thuốc BVTV có chính sách trợ giá/ đổi trả... để người mua có ý thức đổi trả/thu gom bao bì đã qua sử dụng;

+ Khuyến khích người mua/sử dụng, thực hiện thu gom/tái sử dụng/tái chế bao bì thuốc BVTV đã qua sử dụng ở Việt Nam, đưa về cửa hàng/ nơi đã cung ứng thuốc BVTV;

3.2 Trên cơ sở Luật bảo vệ thực vật và KDTV, xây dựng nghị định và thông tư riêng về quản lý thuốc BVTV

- Sử dụng thuốc BVTV trong đó cần có quy định cụ thể về xây dựng, ban hành và sử dụng danh mục thuốc BVTV, quản lý việc xả thải vỏ/bao bì thuốc BVTV đã qua sử dụng theo các định hướng sau:

- Hạn chế số lượng hoạt chất trong danh mục, rất hạn chế các loại hoạt chất hỗn hợp, hạn chế số tên sản phẩm cho 1 hoạt chất.

- Hạn chế đăng ký sản phẩm mới cũng như nhập khẩu thuốc BVTV: đánh giá hiệu quả kỹ thuật đồng thời hiệu quả về môi trường, ATTP, hiệu quả kinh tế của các hoạt chất lẫn phụ gia. Hạn chế đăng ký sản phẩm thuộc nhóm độc I, II có thời gian cách ly dài, có độc tính cao với ký sinh thiên địch và cá. Xem xét tăng lệ phí khảo nghiệm và đăng ký.- Đổi mới cơ cấu các nhóm thuốc trong danh mục, tăng tỷ lệ thuốc sinh học lên 30 - 40% trong 5 - 7 năm tới, giảm mạnh các loại thuốc thuộc nhóm độc I và II.

- Thuốc BVTV nhập khẩu phải có đầy đủ xác nhận xuất xứ. Xuất xứ phải phù hợp với hồ sơ đăng ký. Tăng thuế nhập khẩu với các loại thuốc thuộc diện không khuyến khích sử dụng, miễn/giảm thuế đối với loại thuốc khuyến khích sử dụng, thân thiện môi trường, ít độc hại.

- Thực hiện nguyên tắc “Có vào - Có ra Danh mục” để định kỳ sàng lọc sản phẩm. Định kỳ hàng năm năm rà soát lại sản phẩm, loại bỏ các loại thuốc không hoặc chưa được sử dụng trên thị trường, thuốc đã bộc lộ nhiều nhược điểm, hạn chế.

- Xây dựng các danh mục khuyến cáo sử dụng từ Trung ương đến từng địa phương giúp người nông dân lựa chọn đúng.

3.3. Thống nhất việc xây dựng ban hành bộ tài liệu huấn luyện về quản lý, sản xuất kinh doanh và sử dụng, thu gom bao bì thuốc BVTV đã qua sử dụng, chương trình huấn luyện các quy trình kỹ thuật ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới. Coi trọng tập huấn cho cán bộ kỹ thuật (CBKT), nông dân và đại lý bán thuốc.

Quản lý sử dụng thuốc BVTV và vứt bỏ bao bì thuốc BVTV đã qua sử dụng trên đồng ruộng hiện nay ở nước ta là một bài toán khó nhưng cần được giải quyết càng sớm càng tốt.

